TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - KHÁNH HOÀ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2026/DS-ST
Ngày: 17 - 8 - 2026
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Hợp đồng mượn tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Xuân Phi
2. Bà Hứa Thị Mây Sum.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà *tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Mai Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp *"Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản, tranh chấp hợp đồng mượn tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88a/2026/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2026/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S Tiền Có Ngay
Địa chỉ: đường A, phường B, tỉnh Nghệ An.
Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: ông K. N, chức vụ: Giám đốc Công ty.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Hoàn T, chức vụ: Nhân viên (có mặt).
Địa chỉ: đường C, phường D, tỉnh Khánh Hòa.
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1993 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Tiền Có Ngay trình bày:

Vào ngày 18/6/2024, bà Nguyễn Thị N có đến nơi làm việc của Công ty Cổ phần S *(gọi tắt là Công ty Cổ phần S)* tại địa chỉ: đường E, xã F, tỉnh Khánh Hòa để

ký Hợp đồng cầm cố số NPM240602010NA23X có nội dung: Cầm cố tài sản là xe mô tô biển số 85D1-769.26 nhãn hiệu Ari Blade màu đen vàng để vay số tiền 28.882.978,72 đồng; trả gốc và lãi trong vòng 18 tháng kể từ ngày nhận tiền, với lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng cố định tính trên dư nợ thực tế; Phí quản lý hồ sơ là 0,5%/tháng trên dư nợ thực tế và nhận tiền; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hai bên đã lập Phiếu đăng ký cầm cố và Phụ lục hợp đồng cầm cố cùng ngày 18/6/2024. Đồng thời, Công ty đã cho bà N mượn lại tài sản cầm cố là chiếc xe mô tô biển số 85D1-769.26 nhãn hiệu Ari Blade theo Giấy mượn xe ngày 18/6/2024 trong đó có thỏa thuận phí mượn xe.

Tính đến nay, bà N chỉ mới thanh toán được tổng số tiền là 10.328.000 đồng, trong đó gồm các khoản: vay gốc là 5.724.930 đồng; Lãi trong hạn là 1.177.639 đồng (1,1%/tháng); Phí quản lý hồ sơ là 535.290 đồng (0,5%/tháng); Phí mượn xe là 2.888.297 đồng; Lãi quá hạn là 1.844 đồng.

Bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cầm cố này kể từ ngày 19/11/2024 đến ngày 17/8/2026 là 636 ngày. Nguyên đơn đã nhiều lần nhắc nhở và tạo điều kiện cho bà N trả nợ nhưng ông vẫn cố tình không trả nợ. Vì vậy, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị N trả nợ cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền 31.258.733 đồng *(bằng chữ: Ba mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng)*, trong đó gồm: Nợ gốc 23.158.048 đồng và Nợ lãi quá hạn là 8.100.685 đồng. Buộc bà N còn phải chịu lãi suất phát sinh theo Hợp đồng cầm cố ngày 18/6/2024 kể từ ngày 18/8/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Công ty Cổ phần S đồng ý trả lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy biển số 85D1-769.26 đứng tên Nguyễn Thị N khi bà N trả xong nợ và không tranh chấp gì liên quan đến việc mượn xe mô tô này nữa.

Quá trình tố tụng, bị đơn bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa sơ thẩm vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cho Tòa án.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định

của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà N phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng khoản nghĩa vụ phải thực hiện trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả khoản nợ theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết với Công ty, đồng thời Công ty đồng ý trả lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy biển số 85D1-769.26 theo thoả thuận tại Giấy mượn xe khi bà N trả xong nợ. Bị đơn bà N cư trú tại thôn A, xã B, tỉnh Khánh Hoà. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án, đây là vụ án dân sự về *"Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản; Hợp đồng mượn tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà N.

[2] Về nội dung vụ án: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Căn cứ tài liệu, chứng cứ do Công ty Cổ phần S cung cấp là Hợp đồng cầm cố, Giấy mượn xe, Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm cùng ngày 18/6/2024 thể hiện, đủ căn cứ chứng minh: Vào ngày 18/6/2024, bà Nguyễn Thị N cầm cố tài sản là xe mô tô biển số 85D1-769.26 nhãn hiệu Ari Blade đã được Công an huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận cấp giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe gắn máy số 85 000098 ngày 19/10/2023 đứng tên Nguyễn Thị N, số tiền cầm cố là 28.882.978,72 đồng, thời hạn 18 tháng (từ ngày 18/6/2024), lãi suất cho vay là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế; Phí quản lý hồ sơ cố định 0,5%/tháng trên dư nợ gốc thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; Phí đăng ký và xóa giao dịch bảo đảm là 150.000 đồng (thu 01 lần); Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Trong khi đó, bị đơn bà Nguyễn Thị N mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà N biết để tham gia tố tụng nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, bà N đã tự ý từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Vì vậy, căn cứ Điều 92 BLTTDS thì những tình tiết và các tài liệu do Công ty Cổ phần S đưa ra có giá trị chứng minh.

[2.2] Xét thấy giao dịch vay tiền có cầm cố và mượn tài sản giữa Công ty Cổ phần S với bà Nguyễn Thị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, các điền khoản thỏa thuận vay tài sản, cầm cố tài sản giữa Công ty Cổ phần S và bà N với mức lãi suất là 1,1%/tháng, lãi quá hạn là 150% lãi trong hạn và dùng chiếc xe mô tô 85D1-769.26 nhãn hiệu Ari Blade đứng tên bà N để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ là phù hợp với các quy định tại các điều 309, 310, 315, 316, 463, 468 và 494 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[2.3] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Cổ phần S đã thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết và đã giao số tiền 28.882.978,72 đồng cho bà N. Tuy nhiên, bà N chỉ mới trả cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền là 10.328.000 đồng, trong đó gồm các khoản: vay gốc là 5.724.930 đồng; Lãi trong hạn là 1.177.639 đồng (1,1%/tháng); Phí quản lý hồ sơ là 535.290 đồng (0,5%/tháng); Phí mượn xe là 2.888.297 đồng; Lãi quá hạn là 1.844 đồng, chưa trả đủ số tiền gốc và số tiền lãi đã thỏa thuận và đến nay đã hết hạn hợp đồng. Do đó, đủ căn cứ chứng minh bà N đã vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã giao kết và không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, Công ty Cổ phần S khởi kiện bà N yêu câu phải trả số nợ gốc và nợ lãi cho Công ty Cổ phần S là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.3.1] Đối với số tiến gốc mà Công ty Cổ phần S yêu cầu: Bà N vay số tiền là 28.882.978,72 đồng, đã trả được khoản gốc là 5.724.930 đồng nên bà N phải trả khoản nợ gốc cho Công ty Cổ phần S số tiền 23.158.048 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3.2] Đối với số tiền lãi mà Công ty Cổ phần S yêu cầu: Theo các điều khoản thỏa thuận giữa Công ty Cổ phần S và bà N có nội dung: bà N đồng ý với bảng kê chi tiết thanh toán nợ gốc hàng tháng, tiền lãi và các loại phí được xác lập đính kèm hợp đồng cầm cố mà hai bên ký kết, theo đó lãi suất trong hạn là 1,1% tính trên dư nợ gốc thực tế và lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn tính từ ngày chuyển nợ quá hạn. Bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 19/11/2024 đến nay đã quá hạn hợp đồng là 636 ngày. Do đó, Công ty Cổ phần S yêu cầu bà N phải thanh toán tiền lãi tính đến ngày 17/8/2026 số tiền là 8.100.685 đồng [cách tính: 23.158.048 đồng x 150% x (1,1%: 30 ngày) x 636 ngày] là có cơ sở để chấp nhận. Đồng thời, bà N phải tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 18/8/2026 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cầm cố ngày 18/6/2024 mà hai bên đã ký kết là đúng quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[2.4] Đối với giấy tờ xe của chiếc xe mô tô 85D1-769.26 nhãn hiệu Ari Blade hiện tại Công ty đang giữ bản gốc, khi nào bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ xong thì Công ty Cổ phần S đồng ý có nghĩa vụ giao trả bản gốc giấy tờ xe lại cho bà N là phù hợp.

[2.5] Xét đối với việc quản lý tài sản cầm cố: Công ty Cổ phần S đã giao trả lại cho bà N và hiện nay bà N đã trả đủ phí mượn xe, cũng đang quản lý, sử dụng tài sản là chiếc xe mô tô 85D1-769.26 nhãn hiệu Ari Blade. Công ty Cổ phần S cũng

không có yêu cầu gì đối với các chi phí mượn tài sản và các chi phí khác nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hoà về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí:

- Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.
- Bị đơn vợ bà N phải chịu 1.562.937 đồng án phí dân sự sơ thẩm tương ứng khoản nghĩa vụ phải thực hiện (cách tính: 31.258.733 đồng x 5%).

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 39, 147, 227, 228, 271, 273, 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Các điều 309, 310, 311, 312, 313, 314, 315, 316, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/NQ-HĐTP ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Buộc bà Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền 31.258.733 đồng *(bằng chữ: Ba mươi mốt triệu, hai trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi ba đồng)*, trong đó gồm: Nợ gốc 23.158.048 đồng và Nợ lãi quá hạn là 8.100.685 đồng.

2. Kể từ ngày 18/8/2026, bà Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố ngày 18/6/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả lại bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 85 000098 do Công an huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 19/10/2023 cho chủ xe Nguyễn Thị N khi bà N trả xong nợ.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị N phải chịu 1.562.937 đồng *(bằng chữ: Một triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm ba mươi bảy đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Công ty Cổ phần S 975.000 đồng *(Bằng chữ: Chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0004973 ngày 23/12/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Khánh Hòa đã nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(Mười lăm)* ngày, kể từ ngày tống đạt được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND khu vực 8 - Khánh Hoà;
- Phòng THADS khu vực 8 - Khánh Hoà;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Tâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Minh **Đàng Thị Hồng Lam** **Nguyễn Quốc Tâm**

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**